

MẪU SỐ 4C

HỒ SƠ MỜI SƠ TUYỂN MUA SẴM HÀNG HÓA QUA MẠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 200/QĐ-CNPĐ ngày 22/01 /2026 của Giám đốc
Chi nhánh)



(Handwritten signatures and initials in blue ink)

HỒ SƠ MỜI SƠ TUYỂN

Số hiệu gói thầu và số E-TBMST (trên Hệ thống):

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMST trên Hệ thống):

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMST trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMST trên Hệ thống):

(Nguồn vốn sử dụng cho gói thầu là nguồn vốn sản xuất kinh doanh và việc tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu này được thực hiện theo Quy định mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam được phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định số 200/QĐ-CNPĐ ngày 22/01/2026 và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có) của Giám đốc Chi nhánh Phát điện Dầu khí (viết tắt là QĐMS) và đăng tải tại địa chỉ <https://muasam.pvpgb.vn>)

MỤC LỤC**Mô tả tóm tắt****Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu****Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu****Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDST****Chương IV. Biểu mẫu mời sơ tuyển và dự sơ tuyển****Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật****Chương VI. Biểu mẫu hợp đồng khung (không có giá)**

(Handwritten signatures and initials in blue ink)

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

E-TBMST	Thông báo mời sơ tuyển
CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
HSMST	Hồ sơ mời sơ tuyển
HSDST	Hồ sơ dự sơ tuyển
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
VND	đồng Việt Nam
QĐMS	Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ của Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam được phê duyệt và ban hành tại Quyết định số ____/QĐ-CNPĐ ngày ____ và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có) của Giám đốc Chi nhánh Phát điện Dầu khí và đăng tải tại địa chỉ https://muasam.pvpgb.vn
KQLCNT	Kết quả lựa chọn nhà thầu
PVN	Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng quốc gia Việt Nam
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ http://muasamcong.mpi.gov.vn
Web chính thức của Chi nhánh	https://muasam.pvpgb.vn



MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị HSDST. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp HSDST, mở thầu, đánh giá HSDST. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDST

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá HSDST. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của HSDST;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm;

Chương IV. Biểu mẫu mời sơ tuyển và dự sơ tuyển

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của HSMST và HSDST.

Chương V. Tóm tắt yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm thông tin về gói thầu và các yêu cầu chung về kỹ thuật được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Chương VI. Biểu mẫu hợp đồng khung (không có giá)

Chương này gồm các điều khoản chung của hợp đồng khung kèm theo các biểu mẫu gồm mẫu thư mời chào giá, mẫu bản chào giá của mỗi đơn hàng/lô hàng, mẫu phụ lục bổ sung của hợp đồng khung khi cung cấp từng đơn hàng/lô hàng, mẫu phiếu yêu cầu cấp hàng (thông báo cấp hàng).



Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư quy định tại BDL phát hành bộ HSMST này để lựa chọn danh sách ngân thực hiện gói thầu mua sắm hàng hóa. 1.2. Tên gói thầu được quy định tại BDL.
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSDST và được quy định trong E-TBMST trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BDL.
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn nhà thầu dưới mọi hình thức. 4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị HSDST hoặc rút HSDST để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của HSMST nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được chủ đầu tư yêu cầu làm rõ HSDST hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong lựa chọn nhà thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong HSDST nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận





	hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, tổ chuyên gia, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu; c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu; d) Có tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động lựa chọn nhà thầu; đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng 4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây: a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm chủ đầu tư, tổ chuyên gia hoặc thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư, tổ chuyên gia không đúng quy định của QĐMS; b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMST đối với cùng một gói thầu; c) Tham gia đánh giá HSDST đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu; d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư, tổ chuyên gia trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình (có cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột của mình, của vợ/chồng mình) đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu; đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định HSMST; đánh giá HSDST; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng; e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu do Chi nhánh tổ chức lựa chọn nhà thầu là nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại Chi nhánh; g) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;
--	---



	i) Chia nhỏ dự toán mua sắm thành các gói thầu nhằm mục đích chỉ định thầu; chia dự toán mua sắm nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu. 4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 6, điểm c khoản 8 Điều 87, khoản 10 Điều 88, khoản 4 Điều 89, khoản 2 Điều 90 của QĐMS, bao gồm: a) Nội dung HSMST trước thời điểm phát hành theo quy định; b) Nội dung HSDST; nội dung yêu cầu làm rõ HSDST của chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSDST; báo cáo của TCG, báo cáo thẩm định; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDST trước khi được công khai theo quy định; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định; d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. 4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây: a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng; b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong HSDST mà không được người có thẩm quyền chấp thuận; c) Người có thẩm quyền chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này; d) Người có thẩm quyền chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Đối với nhà thầu trong nước: có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà thầu nước ngoài: có đăng ký, hoạt động theo pháp luật nước ngoài; b) Hạch toán tài chính độc lập, trừ các trường hợp là đơn vị trực thuộc PVN hoặc công ty con của PVN hoặc doanh nghiệp thành viên của PVN hoặc công ty con của doanh nghiệp cấp II theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam;



	c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của Giám đốc Chi nhánh, Hội đồng thành viên/Tổng giám đốc PVN; đ) Có tên trong danh sách ngăn (đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngăn); e) Bảo đảm độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính theo quy định tại BDL. 5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm d, e khoản 5.1 trên. 5.3. Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật mà cá nhân đó là công dân; b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d, e khoản 5.1 Điều này. Nhà thầu có tư cách hợp lệ theo quy định tại các Mục 5.1, Mục 5.2 và Mục 5.3 CDNT được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh.
6. Nội dung của HSMST	6.1. HSMST bao gồm E-TBMST và các Chương I, II, III, IV và V cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMST theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDST; - Chương IV. Biểu mẫu mời sơ tuyển và dự sơ tuyển; - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.









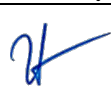
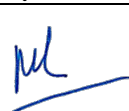
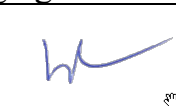


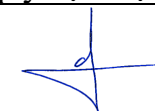

	- Chương VI. Biểu mẫu hợp đồng khung (không có giá) 6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMST, tài liệu giải thích làm rõ HSMST hay các tài liệu sửa đổi HSMST theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. HSMST do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMST, HSMST và các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMST, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDST theo yêu cầu của HSMST cho phù hợp.
7. Sửa đổi, làm rõ HSMST	7.1. Trường hợp sửa đổi HSMST thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSMST đã được sửa đổi cho phù hợp (file scan HSMST đã được sửa đổi đính kèm). Việc sửa đổi phải được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDST; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. 7.2. Trường hợp cần làm rõ HSMST, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMST thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMST theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. 7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ HSMST theo đề nghị của nhà thầu. 7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSMST, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDST. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi HSMST, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu. 7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMST mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại BDL. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan



	tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMST đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. 7.6. Trường hợp HSMST cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi HSMST theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMST. 7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ HSDST của nhà thầu.
8. Chi phí dự sơ tuyển	HSMST được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMST trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự sơ tuyển. HSDST được nộp miễn phí trên Hệ thống. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự sơ tuyển của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của HSDST	HSDST cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDST được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDST (catalô...) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của HSDST	HSDST phải bao gồm các thành phần sau: 10.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNT; 10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh); 10.3. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 12 CDNT; 10.4. Các nội dung khác theo quy định tại BDL.
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu trong HSMST để hoàn thành HSDST.
12. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong HSDST trước khi phê duyệt danh sách ngắn và để Chủ đầu tư lưu trữ.
13. Thời hạn	13.1. HSDST có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại







có hiệu lực của HSDST	BDL. 13.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDST, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDST. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDST thì HSDST của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDST không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDST. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.
14. Thời điểm đóng thầu	14.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMST. 14.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMST. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
15. Nộp, rút và sửa đổi HSDST	15.1. Nộp HSDST: Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSDST đối với một E-TBMST khi tham gia sơ tuyển qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp HSDST sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. 15.2. Sửa đổi, nộp lại HSDST: Trường hợp cần sửa đổi HSDST đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSDST đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDST, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDST mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDST trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi HSMST (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSDST mới cho phù hợp với HSMST đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại HSDST thì HSDST đã nộp trước thời điểm HSMST được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá. 15.3. Rút HSDST: Nhà thầu được rút HSDST trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút HSDST sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDST thì nhà thầu bị đánh giá là không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá HSDST. Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút HSDST (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút HSDST của nhà thầu. 15.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSDST trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSDST nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ HSDST của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi HSMST và nhà thầu không nộp HSDST mới cho phù hợp với HSMST được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.
16. Mở	16.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở HSDST và công khai biên bản



HSDST	mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 16.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMST; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở HSDST; - Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: - Tên nhà thầu; - Thời gian có hiệu lực của HSDST; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
17. Bảo mật	17.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDST phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình sơ tuyển cho tới khi công khai kết quả sơ tuyển. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDST của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu. 17.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDST (nếu cần thiết), nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư về các vấn đề liên quan đến HSDST của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển.
18. Làm rõ HSDST	18.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDST theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong HSDST của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên



(Handwritten signatures and initials)

	tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDST đã nộp. 18.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ HSDST giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống. 18.3. Việc làm rõ HSDST chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có HSDST cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá HSDST của nhà thầu theo HSDST nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDST. 18.4. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDST hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 18.1 CDNT.
19. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	19.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMST; 19.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMST; 19.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMST.
20. Xác định tính đáp ứng của HSDST	Chủ đầu tư sẽ xác định tính đáp ứng của HSDST dựa trên nội dung của HSDST theo quy định tại Mục 10 CDNT. Nếu HSDST không đáp ứng yêu cầu của HSMST thì HSDST đó bị loại.
21. Nhà thầu phụ	21.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan. 21.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ không được xem xét khi đánh giá HSDST của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).
22. Đánh giá HSDST	Quy trình đánh giá HSDST như sau: 22.1. Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.












22.2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III.

22.3. Nhà thầu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho chủ đầu tư để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong HSDST, bao gồm:

a) Tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử.

b) Tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 07 Chương IV phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử.

c) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong HSDST (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); tài liệu chứng minh năng lực sản xuất (đối với trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất);

d) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong HSDST;

đ) Tài liệu khác (nếu có).

Chủ đầu tư gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

22.4. Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm sau khi đã đối chiếu tài liệu thì được xét duyệt vào danh sách ngắn.

22.5. Nguyên tắc đánh giá HSDST:

a) Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong HSDST không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá HSDST của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự kê khai và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDST. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong HSDST không đáp ứng yêu cầu của HSMST hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự trong HSDST, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của HSMST trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng



(Handwritten signatures and initials)

	đáp ứng yêu cầu của HSMST thì nhà thầu bị loại; c) Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong HSDST không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện hợp đồng này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMST thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, HSDST của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 107 của QĐMS và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 108 của QĐMS. d) Đối với các nội dung ngoài các nội dung quy định tại các điểm a, b và c Mục này, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 38 của QĐMS. đ) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong HSDST (bao gồm cả làm rõ HSDST).
23. Hủy thầu	23.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm: a) Tất cả HSDST không đáp ứng được các yêu cầu của HSMST; b) Khi không còn nhu cầu sử dụng dịch vụ hoặc khi thay đổi tính chất, phạm vi sử dụng đối với gói thầu dịch vụ; hoặc khi thay đổi đặc tính/thông số kỹ thuật của hàng hóa do đặc tính/thông số kỹ thuật trong HSMST không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật. c) Nội dung HSMST không tuân thủ quy định của QĐMS hoặc đặc tính/thông số kỹ thuật/yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa nêu trong HSMST không nhất quán dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; d) Tất cả các nhà thầu tham dự thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 107 của QĐMS; đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 107 của QĐMS dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 33a của QĐMS. 23.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm QĐMS dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 32.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của QĐMS.



24. Điều kiện xét duyệt trúng sơ tuyển	Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng sơ tuyển khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 24.1. Có HSDST hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III; 24.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;
25. Thông báo kết quả sơ tuyển	25.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả sơ tuyển trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá HSDST trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả sơ tuyển. Nội dung thông báo kết quả sơ tuyển như sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMST; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện hợp đồng. b) Thông tin về nhà thầu trúng sơ tuyển: - Mã số thuế - Tên nhà thầu. c) Danh sách nhà thầu không trúng sơ tuyển và tóm tắt về lý do không trúng sơ tuyển của từng nhà thầu. 25.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu. 25.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 23.1 CDNT, trong thông báo kết quả sơ tuyển và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.
26. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	26.1 Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình sơ tuyển, kết quả sơ tuyển theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 26.2 Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan,





	tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Hội đồng giải quyết kiến nghị, Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại BDL .
--	---



100 TS

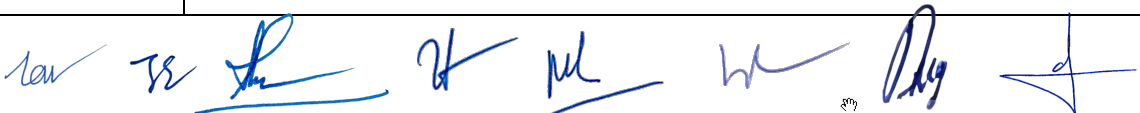
Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam Địa chỉ: _____ <i>[ghi địa chỉ]</i>
CDNT 1.2	Tên gói thầu: ____ <i>[Chủ đầu tư điền]</i> .
CDNT 3	Nguồn vốn: ____ <i>[Theo E-TBMST]</i> . Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo QĐMS được đăng tải trên website https://muasam.pvpgb.vn
CDNT 5.1 (e)	Bảo đảm độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính quy định như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: ____ <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ Chủ đầu tư]</i> (trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị trực thuộc PVN hoặc công ty con của PVN hoặc doanh nghiệp thành viên của PVN hoặc công ty con của doanh nghiệp cấp II theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng quốc gia Việt Nam). - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên (trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị trực thuộc PVN hoặc công ty con của PVN hoặc doanh nghiệp thành viên của PVN hoặc công ty con của doanh nghiệp cấp II theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng quốc gia Việt Nam), cụ thể như sau: + Tư vấn lập thiết kế: ____ <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]</i>; + Tư vấn thẩm định giá: ____ <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]</i>; + Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: ____ <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]</i>; + Tư vấn lập HSMST: ____ <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]</i>; + Tư vấn thẩm định HSMST: ____ <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]</i>; + Tư vấn đánh giá HSDST: ____ <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]</i>; + Tư vấn thẩm định kết quả sơ tuyển: ____ <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]</i>; + Tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên





	quan trực tiếp tới gói thầu: _____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có), tùy theo tính chất tư vấn của gói thầu này để quy định cho phù hợp quy định tại Điều 4a của QĐMS]. Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau: $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ Trong đó: X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Số thành viên tham gia trong liên danh.
CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: _____ [ghi "có" hoặc "không". Trường hợp "có" thì ghi rõ thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, số điện thoại của người chịu trách nhiệm tổ chức hội nghị tiền đấu thầu]
CDNT 10.4	Nhà thầu phải nộp cùng với HSDST các tài liệu sau đây: _____ [ghi tên các tài liệu cần thiết khác mà nhà thầu cần nộp cùng với HSDST theo yêu cầu trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của gói thầu và không làm hạn chế sự tham dự sơ tuyển của nhà thầu. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là "không yêu cầu"].
CDNT 13.1	Thời hạn hiệu lực của HSDST là: $\geq$ _____ ngày [trích xuất theo E-TBMST], kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 26.2	- Người có thẩm quyền: _____ [ghi đầy đủ tên người có thẩm quyền] + Địa chỉ: _____ [ghi đầy đủ địa chỉ, số điện thoại, số fax của người có thẩm quyền]; + E-mail: _____ [ghi rõ Email của người có thẩm quyền để nhận đơn kiến nghị của nhà thầu]. - Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị:





	+ Địa chỉ: _____ [ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị]; + E-mail: _____ [ghi rõ Email của Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị để nhận đơn kiến nghị của nhà thầu].
--	---












Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDST

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDST

HSDST của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong phạm vi cung cấp hoặc dịch vụ liên quan hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong phạm vi cung cấp, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

2. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 CDNT.

3. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có HSDST hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu). Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự; năng lực sản xuất hàng hóa; năng lực tài chính gồm giá trị tài sản ròng, doanh thu, việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá năng lực về tài chính của nhà thầu; cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ cán bộ chuyên môn thực hiện các dịch vụ liên quan (nếu có yêu cầu);

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDST của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.




Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDST, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDST. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của ____ *[ghi căn cứ xác định tỷ giá quy đổi, thông thường áp dụng tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam]* tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự sơ tuyển là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 08 Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

low SR the it me we they d



91 - pd6ueq4j

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Bảng số 01

(Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm ____ ⁽²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 06
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁵⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07



Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
3.2	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của ____ ⁽⁶⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là ____ ⁽⁷⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 07
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm ____ ⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: ____ ⁽¹⁰⁾ ; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: ____ VND ⁽¹¹⁾ . Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự được thực hiện theo Bảng Y.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 04A
5	Khả năng bảo hành,	Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực	Phải thỏa	Phải thỏa mãn	Không áp dụng	Cam kết



Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
	bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác⁽¹²⁾	hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây: - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSMST. - Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSMST.	mãn yêu cầu này	yêu cầu này		của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc



Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 108 của QĐMS thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh



doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(5) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSMST thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSMST thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và HSMST yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Ví dụ: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh

(Chữ ký và dấu của các bên liên quan)



giá.

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = $[(\text{Giá gói thầu} - \text{giá trị thuế VAT}) / \text{thời gian thực hiện hợp đồng theo năm}] \times k$. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = $(\text{Giá gói thầu} - \text{giá trị thuế VAT}) \times k$. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(8) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10) Tương tự về tính chất: Chủ đầu tư lựa chọn một trong hai cách thức để quy định trong HSMST như sau:

a) Cách 1: là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát (chủ đầu tư nêu lĩnh vực tổng quát, ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng...) **hoặc**

b) Cách 2: HSMST quy định theo 2 tiêu chí

(i) Tiêu chí 1: là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát (chủ đầu tư nêu lĩnh vực tổng quát, ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng...);

(ii) Tiêu chí 2: là hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS – Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS). Mã HS căn cứ theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính (được Tổng Cục Hải quan đăng tải trên trang thông tin điện tử: <https://www.customs.gov.vn>).

Nhà thầu cung cấp hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát do HSMST yêu cầu (Tiêu chí 1) hoặc cùng 4 số đầu tiên mã HS (Tiêu chí 2) đều được coi là có tính chất tương tự với hàng hóa thuộc gói thầu. Trường hợp một hạng mục hàng hóa có nhiều mã HS khác nhau, HSMST quy định các mã HS này, nhà thầu có hàng hóa đáp ứng một trong các mã HS này được coi là đáp ứng yêu cầu của HSMST.

Ví dụ: hàng hóa thuộc gói thầu là máy tính xách tay có mã HS là 84.71.30.20 thì các hàng hóa có mã HS là 84.71.xx.xx được coi là có tính chất tương tự. Trường hợp hàng hóa thuộc gói thầu chưa được công bố mã HS, nhà thầu phải kê khai các hợp đồng cung cấp hàng hóa có cùng lĩnh vực tổng quát theo yêu cầu của HSMST

(Chữ ký và dấu)



(Tiêu chí 1).

- Đối với gói thầu mua trang thiết bị y tế, mã HS được xác định theo Thông tư số 14/2018/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Y tế, hàng hóa tương tự theo mã HS (xác định theo tiêu chí 2) là trang thiết bị y tế cùng nhóm hàng hóa (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BYT.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT).

- Trường hợp Chủ đầu tư khó khăn trong việc xác định mã HS của hàng hóa theo Tiêu chí 2, thì HSMST được đưa ra quy định tương tự về lĩnh vực tổng quát (theo Tiêu chí 1). Trong trường hợp này, nếu nhà thầu xác định được mã HS của hàng hóa theo yêu cầu của gói thầu và mã HS của hàng hóa trong hạng mục, hợp đồng đã thực hiện (nghiem thu) cùng nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) thì hạng mục, hợp đồng này được coi là tương tự để xem xét, đánh giá (được coi như nhà thầu đáp ứng tiêu chí 2).

- Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục thì có thể chỉ quy định lĩnh vực tổng quát, mã HS cho các hạng mục chính của gói thầu.

(11) Quy mô của hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục hàng hóa thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục hàng hóa để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói thầu (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục hàng hóa chính hoặc mỗi hạng mục hàng hóa. Trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự xuống còn Y/1,25 và/hoặc chia gói thầu thành các phần (lô) để tăng tính cạnh tranh cho gói thầu. Trong đó, Y thông thường khoảng 50% giá trị của gói thầu đang xét; riêng đối với trường hợp gói thầu có một số hạng mục hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm thì việc xác định quy mô hợp đồng tương tự được xác định theo điểm (iii) và điểm (iv) ghi chú này.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có khối lượng, số lượng công việc căn cứ nhu cầu theo các năm và thời gian thực hiện hợp đồng dài hơn 1 năm thì HSMST yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) mà không xác định yêu cầu theo tổng số năm.

Ví dụ: gói thầu cung cấp vật tư X cho nhu cầu của chủ đầu tư trong 02 năm 2024-2025 (từ 01/01/2024 đến 31/12/2025), giá gói thầu là 100 tỷ đồng (tính cho nhu cầu trong 02 năm). Yêu cầu giá trị của hợp đồng tương tự là: $50\% \times 100/2 = 25$ tỷ đồng.




Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là **Y** (hoặc **Y/1,25** nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu hoặc

(ii) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói thầu đang xét.

Trong đó:

+ Hạng mục hàng hóa đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng hàng hóa trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục hàng hóa đã thực hiện để xác định hạng mục hàng hóa tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ hàng hóa đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

- Trường hợp nhà thầu vừa là nhà sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong HSDST là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu), thì ngoài kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, nhà thầu còn phải kê khai về năng lực sản xuất theo nội dung quy định tại Mục 4 Bảng số 02 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Trường hợp một số hạng mục hàng hóa trong gói thầu có cùng mã Chương, mã Nhóm (mã A) thì việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(iii) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là **K** (hoặc **K/1,25** nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó **K** bằng 50% tổng giá

(Handwritten signatures and initials)



trị các hạng mục không có cùng mã Chương, mã Nhóm (không có mã A) và giá trị cao nhất của các hạng mục có cùng chung mã A (giá trị hạng mục theo giá gói thầu, dự toán được duyệt) hoặc

(iv) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự không có mã A đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), đối với hạng mục hàng hóa tương tự có cùng mã A thì chỉ cần giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị cao nhất của hạng mục hàng hóa cùng mã A trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn). Không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói thầu đang xét.

* Ví dụ cho ghi chú số (10), (11):

- Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp 500.000 cái bơm tiêm dùng một lần có mã HS 9018.31.10 (Theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 1.000.000.000 đồng và 100 chiếc đèn mổ treo trần có mã HS 9405.10.20 (Theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 2.000.000.000 đồng. Nhà thầu X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) cung cấp 2 máy thở có mã HS 9018.90.30, trong đó đã bàn giao 1 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 900.000.000 đồng ($> 50\%$ giá trị hạng mục bơm tiêm dùng một lần) và có hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) cung cấp 200 chiếc đèn phẫu thuật có mã HS 9405.40.91, trong đó đã bàn giao 80 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 1.450.000.000 đồng ($> 50\%$ giá trị hạng mục đèn mổ treo trần) thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về hợp đồng tương tự của gói thầu này.

- Ví dụ 2: Phạm vi cung cấp gói thầu là mua xe Ben tự đổ kèm theo 20 cái lốp xe dự phòng; giá gói thầu được phê duyệt là 1,8 tỷ đồng (trong đó giá trị của xe Ben là 1,64 tỷ đồng và 20 lốp dự phòng có giá trị 0,16 tỷ đồng). Như vậy, trong trường hợp này thì hàng hóa chính của gói thầu là xe Ben tự đổ và quy mô của hợp đồng tương tự được xác định bằng $50\% \times 1,64$ tỷ đồng.

- Ví dụ 3: Phạm vi cung cấp của gói thầu đang xét gồm 50 máy điều hòa (mã HS 8415; giá dự toán 2 tỷ đồng); 20 máy tính xách tay (mã HS 8507; giá dự toán 400 triệu đồng); 20 máy in Laser (mã HS 8443; giá dự toán 100 triệu đồng), giao hàng trong thời gian 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Nhà thầu tham dự thầu là nhà thầu Liên danh A – B trong đó thành viên A là nhà sản xuất máy điều hòa đảm nhận phần công việc cung cấp máy điều hòa (80% giá trị công việc gói thầu), thành viên B là nhà thương mại đảm nhận phần công việc cung cấp máy tính xách tay và máy in của gói thầu (20% giá trị công việc gói thầu). Trong trường hợp này, nhà thầu Liên danh A – B được coi là đáp ứng yêu cầu về năng lực sản xuất và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng nếu:



+ Thành viên A cung cấp được tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền thiết bị sản xuất máy điều hòa đạt tối thiểu 12,5 máy điều hòa/tháng ($1,5 \times 50 \text{ máy} \times 30 / 180 \text{ ngày}$) hoặc sản lượng sản xuất máy điều hòa của 01 tháng cao nhất trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng hoặc lớn hơn 12,5 máy/tháng;

+ Thành viên B đã thực hiện cung cấp các mã hàng hóa 8507, 8443 trong cùng 01 hợp đồng hoặc ở 02 hợp đồng khác nhau nhưng bảo đảm giá trị mã hàng hóa 8507 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy tính xách tay (tức là $\geq 50\% \times 400 \text{ triệu đồng}$), giá trị mã hàng hóa 8443 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy in laser (tức là $\geq 50\% \times 100 \text{ triệu đồng}$).

- Ví dụ 4: Phạm vi cung cấp gói thầu mua sắm hàng hóa Q như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Giá trị theo dự toán (VND)
1	Hàng hóa A	9025	10.000.000.000
2	Hàng hóa B	9030	8.000.000.000
3	Hàng hóa C	9030	12.000.000.000

Trong trường hợp này, nhà thầu A tham dự gói thầu mua sắm hàng hóa Q nêu trên được coi là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự nếu:

+ Cung cấp 01 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030 và tổng giá trị của mã hàng hóa 9025, 9030 trong hợp đồng đã hoàn thành với giá trị tối thiểu là 11 tỷ đồng ($50\% \times (10 \text{ tỷ đồng} + 12 \text{ tỷ đồng})$) hoặc

+ Cung cấp 01 hợp đồng trong đó đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9025 với giá trị tối thiểu 5 tỷ đồng ($50\% \times 10 \text{ tỷ đồng}$) và 01 hợp đồng đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9030 với giá trị tối thiểu 6 tỷ đồng [$50\% \times 12 \text{ tỷ đồng}$].”.

Trường hợp nhà thầu A cung cấp 02 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030, trong đó hợp đồng số 01: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 5 tỷ đồng và hợp đồng số 02: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 4 tỷ đồng thì được coi là không đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự.

- Ví dụ 5: Gói thầu mua sắm hàng hóa chia thành nhiều phần (ví dụ chia thành 03 phần) như sau:

STT	Tên phần (lô)	Phạm vi cung cấp	Mã HS	Giá trị theo dự toán (VND)
1	Lô số 01	Hàng hóa A	9025	10.000.000.000
2	Lô số 02	Hàng hóa B	9025	20.000.000.000

(Chữ ký và dấu của các thành viên)



3	Lô số 03	Hàng hóa C	9025	30.000.000.000
---	----------	------------	------	----------------

Trong trường hợp này, nhà thầu tham dự thầu đối với cả 03 phần của gói thầu mua sắm hàng hóa nêu trên có 01 hợp đồng cung cấp mã hàng hóa 9025 với giá trị đã thực hiện là Z được đánh giá như sau:

+ Trường hợp 1: nếu $Z < 5.000.000.000$ VND thì được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với cả 03 phần (Lô số 01, 02, 03) nhà thầu tham dự thầu.

+ Trường hợp 2: nếu $5.000.000.000 \leq Z < 10.000.000.000$ VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với Lô số 01.

+ Trường hợp 3: nếu $10.000.000.000 \leq Z < 15.000.000.000$ VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với Lô số 01 và Lô số 02.

+ Trường hợp 4: nếu $Z \geq 15.000.000.000$ VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với cả 03 phần (Lô số 01, 02, 03) nhà thầu tham dự thầu.”.

(12) Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá HSDST. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì HSDST của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại.





BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
(Đối với nhà thầu là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm ____ ⁽²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 06
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁶⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07



Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		(Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)				
3.2	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của ____ ⁽⁸⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là ____ ⁽⁹⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 07
4	Năng lực sản xuất hàng hóa ⁽¹⁰⁾	Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau đây: - Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu: ____ sản phẩm/01 tháng; Hoặc: - Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu: ____ sản phẩm.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 04B



Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
		Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về năng lực sản xuất được thực hiện theo Bảng Y.			
5	Khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác⁽¹¹⁾	Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây: - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSMST. - Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSMST.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng
					Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc



Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/co sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trưng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 108 của QĐMS thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải



nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(6) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của các năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(8) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSMST thì doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSMST thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và HSMST yêu cầu nhà



thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Ví dụ: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(9) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = $[(\text{Giá gói thầu} - \text{giá trị thuế VAT}) / \text{thời gian thực hiện hợp đồng theo năm}] \times k$. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (không bao gồm thuế VAT) = $(\text{Giá gói thầu} - \text{giá trị thuế VAT}) \times k$. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là 1,5.

(10) Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói thầu (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói thầu, tương ứng với yêu cầu về hạng mục chính hoặc tất cả hàng hóa của gói thầu đối với nhà thầu là nhà thương mại.

Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng: $k \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 30 / \text{thời gian thực hiện hợp đồng (tính theo ngày)})$. Thông thường $k = 1,5$; trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng môi thầu lớn thì có thể quy định $k = 1$.

Ví dụ: Số lượng hàng hóa cần mua là 12.000 hộp sữa, thời gian thực hiện hợp đồng là 20 ngày, hệ số $k = 1,5$ thì công suất thiết kế tối thiểu trong 01 tháng/sản lượng sản xuất sữa cao nhất của 01 tháng của nhà thầu là: $1,5 \times (12.000 \times 30 / 20) = 27.000$ hộp sữa.



Trường hợp hàng hóa là sản phẩm do nhà thầu Việt Nam sản xuất trong nước (có thể đã bán ra thị trường hoặc chưa bán ra thị trường), nhà thầu phải chứng minh công suất thiết kế hoặc sản lượng sản xuất đáp ứng yêu cầu.

Trường hợp nhà thầu vừa là sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong HSDST là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu) thì ngoài kê khai về năng lực sản xuất, nhà thầu còn phải kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự theo nội dung quy định tại Mục 4 Bảng số 01 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Nhà thầu có thể sử dụng các tài liệu như hóa đơn bán hàng, số lượng hàng tồn kho... để chứng minh sản lượng đã sản xuất trong 01 tháng; sử dụng tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất để chứng minh năng lực sản xuất.

(11) Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá HSDST. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì HSDST của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại. Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.



42 - pdfguerrj
thangpa - 15:56 2026/07/02

Bảng số Y

BẢNG YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ, NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA

(Áp dụng đối với gói thầu có nhiều loại hàng hóa)

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS ⁽¹⁾	Chủng loại, lĩnh vực ⁽²⁾	Giá trị được coi là tương tự (VND) ⁽³⁾	Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu Hoặc: Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu ⁽⁴⁾
1	Hàng hóa A				
2	Hàng hóa B				
3	Hàng hóa C				
...	...				



Ghi chú

- (1), (2) Nội dung tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc tại ghi chú số (10) Bảng số 01 Chương này.
- (3) Giá trị tại cột này được chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (11) Bảng số 01 Chương này.
- (4) Giá trị tại cột này được chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (10) Bảng số 02 Chương này.



100 TS      

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Không được yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt đối với phần công việc cung cấp hàng hóa. Đối với hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường, không đòi hỏi nhân sự thực hiện dịch vụ liên quan (như: lắp đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ...) phải có trình độ cao thì không yêu cầu về nhân sự chủ chốt. Chỉ được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các dịch vụ liên quan có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có hiểu biết, nhiều kinh nghiệm đảm nhận.

Trường hợp HSMST yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 05A, 05B và 05C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDST không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện hợp đồng này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMST thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDST của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 107 của QĐMS và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 108 của QĐMS.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được quy định tại Bảng số 03 dưới đây. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo Mẫu số 05A, 05B và 05C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt ⁽¹⁾

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1			tối thiểu __ năm hoặc tối thiểu __ hợp đồng	
2			tối thiểu __ năm hoặc tối thiểu __ hợp đồng	
3				

(Chữ ký và dấu của các bên liên quan)

...				
-----	--	--	--	--

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp dịch vụ liên quan có yêu cầu phải có chứng chỉ chuyên môn.












Chương IV. BIỂU MẪU MỜI SƠ TUYỂN VÀ DỰ SƠ TUYỂN

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa	Scan đính kèm	X	
2	Mẫu số 01B. Các dịch vụ liên quan		X	
3	Mẫu số 02A. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)			X
6	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
7	Mẫu số 04A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)	Scan đính kèm		X
8	Mẫu số 04B. kê khai năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)			X
9	Mẫu số 05A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
10	Mẫu số 05B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
11	Mẫu số 05C. Kinh nghiệm chuyên môn			X
12	Mẫu số 06. Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
13	Mẫu số 07. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
14	Mẫu số 08. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X



47 - pdfcrowd

Mẫu số 01A

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA⁽¹⁾

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽²⁾	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng	
							Ngày giao hàng sớm nhất	Ngày giao hàng muộn nhất
							[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
2								
3								
...								

Ghi chú:

- (1) Chủ đầu tư nhập toàn bộ các nội dung của Mẫu này.
- (2) Áp dụng trong các trường hợp sau:



- Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam. Nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của HSMST hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại.

Ví dụ về nhóm nước, vùng lãnh thổ: Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ...; Liên minh Châu Âu (EU), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), nhóm các nền kinh tế lớn G20, G8, G7...

- Chủ đầu tư quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ trong nước. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa xuất xứ Việt Nam, nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại.

Trường hợp Chủ đầu tư không yêu cầu về xuất xứ thì đề trống nội dung này.



Mẫu số 01B

Wành

TR

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)

Ngày: ____ [Nhà thầu tự trích xuất]

Tên gói thầu: ____ [Nhà thầu tự trích xuất]

Kính gửi: ____ [Nhà thầu tự trích xuất]

Sau khi nghiên cứu HSMST, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ [Nhà thầu tự trích xuất], Mã số thuế: ____ [Nhà thầu tự trích xuất] cam kết tham dự thầu gói thầu ____ [Nhà thầu tự trích xuất] số E-TBMST: ____ [Nhà thầu tự trích xuất] theo đúng yêu cầu nêu trong HSMST.

Hiệu lực của HSDST: ____ [Nhà thầu tự trích xuất]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

2a. Không vi phạm quy định về bảo đảm độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của Giám đốc Chi nhánh, Hội đồng thành viên/Tổng giám đốc PVN;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm QĐMS khi tham dự gói thầu này;

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽²⁾.

7. Những thông tin kê khai trong HSDST là trung thực;

8. Trường hợp trúng sơ tuyển, HSDST và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDST tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

(Chỗ để chữ ký và đóng dấu của nhà thầu)



Ghi chú:

- (1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền và đóng dấu (nếu có) của nhà thầu khi nhà thầu nộp HSDST.
- (2) HSMST không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.



100 TS      

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: ____ [Nhà thầu tự trích xuất]

Gói thầu: ____ [Nhà thầu tự trích xuất]

Căn cứ ⁽¹⁾ ____ [QĐMS]Căn cứ ⁽¹⁾ ____ [Nhà thầu tự trích xuất]Căn cứ HSMST Gói thầu: ____ Nhà thầu tự trích xuất] với số E-TBMST: ____
[Nhà thầu tự trích xuất]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ____ [Nhà thầu tự trích xuất]

Mã số thuế: ____ [Nhà thầu tự trích xuất];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ____ [Nhà thầu tự trích xuất]

Mã số thuế: ____ [Nhà thầu tự trích xuất];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ____ [Nhà thầu tự trích xuất]

Mã số thuế: ____ [Nhà thầu tự trích xuất];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung



1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [*Nhà thầu tự trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*Ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*Nhà thầu tự trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [*Nhà thầu tự trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp HSDST cho cả liên danh.
- [-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ HSDST hoặc văn bản đề nghị rút HSDST;*
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽³⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận ước tính
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (Nhà thầu tự trích xuất)	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ % - ____ %

(Chữ ký của các thành viên)



....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ [*Nhà thầu tự trích xuất*] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỪNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu tự cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính tỷ lệ công việc tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong phạm vi cung cấp hoặc dịch vụ liên quan hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong phạm vi cung cấp, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

(Chữ ký của các thành viên)



HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾*(áp dụng đối với nhà thầu thương mại)*Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương _____ VND
Tên :	<i>[ghi tên đầy đủ của có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III ⁽²⁾			
1. Loại hàng hóa	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
2. Chung loại, lĩnh vực hàng hóa	<i>[ghi thông tin chung loại, lĩnh vực nếu có]</i>		
3. Mã HS	<i>[ghi thông tin về mã HS nếu có]</i>		




4. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>
5. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>
6. Các đặc tính khác	<i>[ghi các thông tin khác (nếu có)]</i>

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMST và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMST.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

Law TS [Signature] [Signature] [Signature] [Signature] [Signature] [Signature] [Signature]



KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA*(áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)*Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): _____ *[Điền số lượng nhà máy]*

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

Tên nhà máy:	<i>[Ghi tên nhà máy]</i>
Địa chỉ:	<i>[Ghi địa chỉ nhà máy]</i>
Tổng mức đầu tư:	<i>[Ghi tổng mức đầu tư]</i>
Công suất thiết kế:	<i>[Ghi công suất thiết kế]</i>
Công suất thực hiện:	<i>[Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất]</i>
Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu.	<i>[Ghi sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng]</i>
Tiêu chuẩn sản xuất:	<i>[Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có]</i>
Số lao động đang làm việc:	<i>[Ghi tổng số lao động đang làm việc tại nhà máy]</i>

*Ghi chú:**Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.**Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa được kê khai trong Mẫu này.*



BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDST không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện hợp đồng này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMST thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDST của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 107 của QĐMS và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 107 của QĐMS.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]	[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]
2		
...		

(Chữ ký và đóng dấu của các bên liên quan)



91 - pd6ueqj7

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Mẫu số 05B

✍

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
STT	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Tình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 05C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.



thangpd - 15-51 - pd6ueq7

Mẫu số 05C



BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
...	...			

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Handwritten signatures and initials in blue ink.



**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA, EPC, EP, PC, CHÌA KHÓA
TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA**

NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương III

☐ Không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

☐ Có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSDST của nhà thầu sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(Chữ ký của các thành viên liên danh)



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSMST (Nhà thầu tự trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾	<i>(Nhà thầu tự tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMST/số năm.

(Chữ ký và đóng dấu của các thành viên liên danh)



Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMST thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.




**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Ghi chú
1			
2			
...			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự sơ tuyển là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự sơ tuyển không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.



Chương V. TÓM TẮT YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương này gồm thông tin yêu cầu về hàng hóa, dịch vụ liên quan (nếu có), kế hoạch thực hiện của gói thầu mua sắm hàng hóa đang thực hiện sơ tuyển

1. Giới thiệu chung về gói thầu

[Nêu thông tin tóm tắt về như chủ đầu tư, nguồn vốn, các hoạt động chính của gói thầu, địa điểm thực hiện ...]

2. Mô tả sơ bộ về hàng hóa, dịch vụ liên quan (nếu có)

[Phần này nêu thông tin về chủng loại, các yêu cầu kỹ thuật cơ bản, đặc điểm chính của hàng hóa, dịch vụ liên quan (nếu có)]

3. Kế hoạch thực hiện

[Nêu thời gian dự kiến thực hiện và hoàn thành việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan (nếu có)]

4. Địa điểm thực hiện gói thầu và những thông tin liên quan khác

[Nêu những thông tin về địa điểm thực hiện dự án, địa điểm cung cấp, lắp đặt hàng hóa và thực hiện các dịch vụ liên quan (nếu có), bản vẽ và thuyết minh tóm tắt của thiết kế đã được phê duyệt (nếu có), các dịch vụ do chủ đầu tư cung cấp để thực hiện gói thầu...].

3. Kế hoạch thực hiện

Sau khi Chủ đầu tư phê duyệt danh sách ngắn các nhà thầu đáp ứng yêu cầu của HSMST, Chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng khung với các nhà thầu trong danh sách ngắn, thời hạn hợp đồng đến hết năm hoặc cho đến khi hai Bên hoàn tất các nghĩa vụ và trách nhiệm của Phụ lục Hợp đồng cuối cùng của Hợp đồng khung (tùy theo điều kiện nào đến sau) và có thể được gia hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng khung, trên cơ sở nhu cầu mua hàng của Chủ đầu tư bao gồm khối lượng (kèm theo thông số kỹ thuật), tiến độ cung cấp từng đợt Chủ đầu tư sẽ phát hành Thư mời chào giá cho từng đơn hàng/lô hàng đó theo mẫu quy định trong hợp đồng khung để các nhà thầu đã ký hợp đồng khung chào giá.

Nhà thầu sẽ chuẩn bị và gửi bản scan hồ sơ chào giá (theo mẫu quy định trong hợp đồng khung) vào địa chỉ Email: và/hoặc nộp bản gốc cho Chủ đầu tư theo thời gian, địa chỉ quy định trong Thư mời chào giá. Bản chào giá gửi sau thời gian quy định sẽ không được Chủ đầu tư xem xét, đánh giá. Nhà thầu phải đảm bảo sự thống nhất giữa bản chào qua Email và bản gốc. Trường hợp có sự không thống nhất giữa bản gốc và bản scan gửi qua Email thì căn cứ bản bản gốc để đánh giá.

Căn cứ các hồ sơ chào giá đã nộp, Chủ đầu tư sẽ đánh giá, xếp hạng, phê duyệt kết quả chào giá, làm cơ sở ký kết Phụ lục bổ sung của hợp đồng khung để triển khai thực hiện.

Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành ký Phụ lục bổ sung của hợp đồng khung nếu Bản chào giá của Nhà thầu đáp ứng yêu cầu của Thư mời chào giá và có giá chào thấp nhất sẽ được xếp hạng thứ nhất. Nội dung Phụ lục bổ sung của hợp đồng khung

(Chữ ký của các bên)



theo Mẫu trong hợp đồng khung; các điều khoản còn lại thực hiện theo nội dung hợp đồng khung đã được hai bên ký kết.

Sau khi Phụ lục bổ sung của hợp đồng khung ký kết, Chủ đầu tư sẽ gửi Phiếu yêu cầu cấp hàng/Thông báo cấp hàng bản gốc theo đường bưu điện và/hoặc gửi bản scan qua Email cho Nhà thầu theo địa chỉ nêu trong Phụ lục bổ sung của hợp đồng khung, Nhà thầu xác nhận cấp hàng và gửi bản fax và/hoặc bản gốc cho Chủ đầu tư và thực hiện giao hàng như quy định trong Phiếu yêu cầu/Thông báo cấp hàng.

Trước thời điểm kết thúc hợp đồng khung, Chủ đầu tư sẽ thực hiện tái đánh giá nhà thầu theo QĐMS và có thể cập nhật bổ sung các nhà cung cấp trong danh sách ngắn dựa trên kết quả tái đánh giá nhà thầu. Trong trường hợp nhà thầu có kết quả tái đánh giá tốt thì hai bên có thể tiến hành đàm phán gia hạn hợp đồng khung cho năm tiếp theo.



Chương VI. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG KHUNG

(Dự thảo hợp đồng khung sau đây quy định chi tiết các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng làm cơ sở chào thầu, thương thảo, hoàn thiện và ký Hợp đồng khung)

Căn cứ :

- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ
-

Chúng tôi, đại diện cho các Bên ký Hợp đồng, gồm có:

Bên mua (Bên A): Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam

Đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Bên bán (Bên B):

Đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng khung cung cấpvới các nội dung sau:

PHẦN 1: CÁC ĐIỀU KHOẢN

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng




Bên B cung cấp cho Bên A hàng hóa phù hợp với từng đơn hàng/lô hàng theo Thư mời chào giá của Bên A. Danh mục hàng hóa nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng khung này chỉ mang tính chất khái quát, tham khảo.

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

- Văn bản Hợp đồng khung và các Phụ lục;
- Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng ;
- Quyết định phê duyệt danh sách ngân nhà thầu ;
- Hồ sơ mời sơ tuyển ;
- Hồ sơ dự sơ tuyển và các văn bản làm rõ Hồ sơ dự sơ tuyển;
- Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B (trong trường hợp Bên B trúng chào giá cung cấp hàng hóa cho Bên A) theo phương thức được quy định tại Điều 9 của Hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong Hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- 4.1. Bên B cam kết thực hiện chào giá khi nhận được Thư mời chào giá của Bên A và cung cấp cho Bên A đầy đủ hàng hóa nêu tại các Phụ lục bổ sung của hợp đồng khung. Đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm khác được quy định tại Hợp đồng này, các Phụ lục bổ sung hợp đồng và theo quy định của pháp luật có liên quan. Trách nhiệm của từng thành viên Liên danh (nếu có).
- 4.2. Bên B cam kết thực hiện tuân thủ các quy định, điều khoản, điều kiện của hợp đồng này trong trường hợp trúng thầu cung cấp hàng hóa cho Bên A.
- 4.3. Trong vòng 7 (bảy) ngày sau khi ký Hợp đồng này, Bên B có trách nhiệm mở bảo lãnh thực hiện hợp đồng vô điều kiện, không hủy ngang với giá trịVNĐ (bằng chữ:) để đảm bảo trách nhiệm của Bên B theo Hợp đồng này và các Phụ lục hợp đồng. Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng này trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ của bên B theo quy định tại Hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày mở đến hết ngày
- 4.4. Không áp dụng.
- 4.5. Bên B cam kết đảm bảo nguồn gốc hợp pháp của hàng hóa cung cấp theo quy định và phải chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của lô hàng.
- 4.6. Bên B cam kết tuân thủ chặt chẽ các quy định về môi trường, PCCC, ANTT trong quá trình thực hiện hợp đồng và sẽ chịu mọi trách nhiệm liên quan đến môi trường, PCCC, ANTT trong trường hợp do lỗi của Bên B gây ra.




- 4.7. Bên B phải chịu mọi trách nhiệm và chi phí bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và xử lý những rủi ro tại điểm giao nhận hàng hóa do Bên B gây ra.

Điều 5. Hình thức hợp đồng

Hình thức hợp đồng là: Hợp đồng khung chưa có đơn giá.

Trên cơ sở nhu cầu của Bên A và kết quả đánh giá các Bản chào giá, các Bên sẽ ký Phụ lục bổ sung của hợp đồng khung cho từng đơn hàng/lô hàng cụ thể để triển khai thực hiện đối với nhà thầu trúng chào giá. Các Phụ lục bổ sung hợp đồng sẽ là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

Điều 6. Trình tự thực hiện

- Trên cơ sở Hợp đồng khung đã ký, khi phát sinh nhu cầu mua hàng hóa bao gồm khối lượng (kèm theo thông số kỹ thuật), tiến độ cung cấp từng đợt, Bên A sẽ gửi cho Bên B Thư mời chào giá cho từng đơn hàng/lô hàng (theo mẫu quy định tại Mẫu số 07 – Phụ lục 3 của Hợp đồng này). Bên B sẽ chuẩn bị và gửi bản scan bản chào giá (theo mẫu quy định tại Mẫu số 1 – Phụ lục 3 của Hợp đồng này) vào địa chỉ Email :và/hoặc nộp bản gốc cho của Bên A theo thời gian quy định trong Thư mời chào giá. Bản chào giá gửi sau thời gian quy định sẽ không được Bên A xem xét, đánh giá. Bên B phải đảm bảo sự thống nhất giữa bản chào qua Email và bản gốc. Trường hợp có sự không thống nhất giữa bản gốc và bản scan gửi qua Email thì căn cứ bản bản gốc để đánh giá.
- Bên A và Bên B sẽ tiến hành ký Phụ lục bổ sung của hợp đồng khung nếu Bản chào giá của Bên B đáp ứng yêu cầu của Thư mời chào giá và có giá chào thấp nhất sẽ được xếp hạng thứ nhất được mời đến thương thảo hợp đồng (nếu cần thiết). Nhà thầu trúng chào giá sẽ được ký Phụ lục bổ sung của hợp đồng khung, nội dung của Phụ lục bổ sung của hợp đồng khung theo mẫu quy định trong Hợp đồng khung này; Các điều khoản còn lại của Phụ lục bổ sung hợp đồng khung thực hiện theo nội dung Hợp đồng khung đã được hai bên ký kết.
- Khi có thông tin cấp hàng cụ thể, Bên A sẽ gửi Phiếu yêu cầu cấp hàng hóa/Thông báo cấp hàng qua Email cho Bên B và/hoặc gửi bản gốc cho Bên B. Và Bên B phải thực hiện giao hàng như quy định trong Phiếu yêu cầu cấp hàng hóa/Thông báo cấp hàng.

Điều 7. Quy định về Giá trị Phụ lục bổ sung hợp đồng

Giá trị Phụ lục bổ sung hợp đồng cung cấp hàng hóa là giá trị được xác định trên cơ sở khối lượng hàng hóa theo yêu cầu chào giá (mỗi đợt) nhân với đơn giá chào giá được xét duyệt trúng thầu (mỗi đợt) tại thời điểm ký Phụ lục bổ sung hợp đồng.

Bên A thanh toán cho Bên B căn cứ theo đơn giá quy định trong Phụ lục hợp đồng nhân với số lượng hàng hóa giao nhận thực tế được hai bên xác nhận tại Biên bản giao nhận.

Điều 8. Quy định về đơn giá của Phụ lục bổ sung




Đơn giá quy định trong Phụ lục hợp đồng cung cấp hàng hóa là đơn giá cố định (xác định theo đơn giá chào giá được xét duyệt trúng thầu (mỗi đợt));

Điều 9. Quy định về điều kiện thanh toán của Phụ lục bổ sung

9.1. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B 01 lần cho từng đơn hàng trong thời gian 15 ngày làm việc sau khi hoàn thành giao toàn bộ hàng hóa của từng đơn hàng và Bên A nhận được 03 bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

9.2. Mỗi Bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ gồm:

- Công văn đề nghị thanh toán của bên B: 1 bản gốc.
- Hóa đơn GTGT theo quy định bằng 100% giá trị hàng hóa giao nhận thực tế của đơn hàng;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng hàng hóa của đợt giao hàng được đại diện các bên ký xác nhận: 01 Bản gốc.
- Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán được đại diện các Bên ký xác nhận : 01 bản gốc ;
- Bảo lãnh bảo hành theo mẫu được Bên A chấp thuận, với giá trị bằng 5% giá trị nghiệm thu toàn bộ hàng hóa của Phụ lục bổ sung : 1 bản gốc ;
- Phiếu yêu cầu cấp hàng/Thông báo cấp hàng của Bên A và có ký xác nhận của Bên B: Bản sao.
- Ngoài ra, đối với hàng nhập khẩu : Chứng chỉ xuất xứ do Phòng thương mại và công nghiệp nước sản xuất/xuất khẩu cấp, Tờ khai hải quan. Giấy chứng nhận (hoặc chứng chỉ) chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất của đúng lô hàng cấp cho Bên A : 1 bản gốc hoặc bản sao công chứng/chứng thực;
- Ngoài ra, đối với hàng nội địa : Giấy chứng nhận (hoặc chứng chỉ) chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất của đúng lô hàng cấp cho Bên A : 01 bản gốc hoặc bản sao công chứng/chứng thực;

9.3. Địa chỉ gửi bộ hồ sơ thanh toán và quy định về xuất hoá đơn:

- Bên B gửi bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ đến địa chỉ Hóa đơn thuế GTGT được xuất theo tên, địa chỉ và mã số thuế như sau:
 - + Tên công ty: Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam
 - + Mã số thuế: 0100681592-036
 - + Địa chỉ: Tòa nhà Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam, số 18 phố Láng Hạ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam .
 - + Số Tài khoản (VNĐ):

9.4. Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị đợt giao hàng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B được ghi trong Phụ lục bổ sung.

(Chữ ký và đóng dấu của các bên)



Mọi sự thay đổi số tài khoản, tên ngân hàng phải căn cứ trên văn bản đề nghị của Bên B được người đại diện theo pháp luật của Bên B ký, đóng dấu (nếu có).

- 9.5. Điều chỉnh thuế: Trong quá trình thực hiện Phụ lục hợp đồng, trường hợp tại thời điểm giao nhận hàng hóa nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng/giảm), Bên A xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định.

Điều 10. Quy định Địa điểm giao nhận, phương thức giao nhận và cách thức xác định khối lượng

10.1. Địa điểm giao nhận:

10.2. Phương thức giao nhận:

10.3. Cách xác định số lượng:

Điều 11. Thời gian thực hiện Hợp đồng

- Từ ngày ký Hợp đồng khung: 5 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hoặc đến ngày 31/12/2025 hoặc 10 lần đặt hàng tùy điều kiện nào đến trước.
- Căn cứ vào Phạm vi cung cấp hàng hóa của năm tiếp theo, trước thời điểm kết thúc Hợp đồng khung, Chi nhánh Phát điện Dầu khí tiến hành rà soát, đánh giá năng lực, kinh nghiệm và cập nhật bổ sung các Nhà cung cấp trong danh sách ngắn (nếu có). Trong trường hợp Nhà cung cấp vẫn đáp ứng đủ năng lực, kinh nghiệm, chất lượng hàng hóa, tiến độ cung cấp trong thời gian thực hiện hợp đồng khung thì hai Bên có thể gia hạn Hợp đồng khung cho năm tiếp theo.

Điều 12. Hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng

- 1.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng/phụ lục hợp đồng cung cấp hàng hóa có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:
- a) Thay đổi phương thức vận chuyển;
 - b) Thay đổi địa điểm giao hàng;
 - c) Thay đổi thời gian thực hiện Hợp đồng;
 - d) Các nội dung khác nêu tại Hợp đồng.
- 1.2. Hai Bên sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng.

Điều 13. Bồi thường thiệt hại và phạt do vi phạm Hợp đồng

- 13.1. Trường hợp bất khả kháng theo Điều 14, Bên B sẽ bị phạt vi phạm Hợp đồng trong các trường hợp sau:

Nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong Phụ lục hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ khấu trừ vào giá trị Phụ lục hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với 0,5%/tuần giá trị phần nghĩa vụ Phụ lục hợp đồng bị vi phạm cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 08% giá trị phần nghĩa vụ Phụ lục hợp đồng bị vi phạm. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt Hợp đồng khung.

(Chữ ký và dấu của các bên)



13.2. Điều chỉnh giảm đơn giá trước thuế khi điều chỉnh xuất xứ/ký mã hiệu/tên hãng sản xuất hàng hóa:

Trường hợp áp dụng thì quy định như sau:

Xuất xứ/ký mã hiệu/tên hãng sản xuất hàng hóa phải đúng theo quy định của hợp đồng. Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng hóa nếu hàng hóa giao tới địa điểm thỏa thuận không đáp ứng quy định của hợp đồng.

Trường hợp chủ đầu tư chấp nhận nhận hàng hóa có thay đổi xuất xứ/ký mã hiệu/tên hãng sản xuất thì xử lý như sau:

- a) Trường hợp thay đổi ký mã hiệu hàng hóa có phiên bản sản xuất, năm sản xuất mới hơn so với hàng hóa ghi trong hợp đồng.

Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của nhà thầu nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có văn bản kèm theo tài liệu của hãng sản xuất nêu trong hợp đồng xác nhận ký mã hiệu hàng hóa đề nghị thay đổi có phiên bản sản xuất, năm sản xuất mới hơn so với ký mã hiệu hàng hóa đã ghi trong hợp đồng;
 - Hàng hóa thay thế và hàng hóa ghi trong hợp đồng thuộc cùng hãng sản xuất và có cùng xuất xứ;
 - Hàng hóa thay thế có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số và các yêu cầu kỹ thuật khác tương đương hoặc tốt hơn hàng hóa ghi trong hợp đồng;
 - Phù hợp với nhu cầu sử dụng;
 - Tăng thời gian bảo hành lên tối thiểu 1,5 lần so với thời gian quy định trong hợp đồng;
 - Đơn giá trước thuế giá trị gia tăng của hàng hóa thay thế không vượt đơn giá trước thuế giá trị gia tăng của hàng hóa đó ghi trong hợp đồng.
- b) Trường hợp thay đổi xuất xứ /tên hãng sản xuất do tái cấu trúc (sáp nhập, mua, bán, giải thể...).

Nhà thầu cần có văn bản đề xuất để chủ đầu tư xem xét chấp thuận trước khi đặt mua/sản xuất hàng và các tài liệu chứng minh như sau:

- Tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên hãng sản xuất do tái cấu trúc đơn vị sản xuất (trúc (sáp nhập, mua, bán, giải thể...) dẫn tới việc hàng hóa bị thay đổi xuất xứ và tên hãng sản xuất;
- Tài liệu chứng minh hàng hóa thay đổi đó có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số và các yêu cầu kỹ thuật khác tương đương hoặc tốt hơn hàng hóa ghi trong hợp đồng; và
- Văn bản xác nhận tăng thời gian bảo hành lên tối thiểu 1,5 lần so với thời gian quy định trong hợp đồng nếu xuất xứ từ nhóm nước cao xuống nhóm nước thấp hơn (quy định về nhóm nước được quy định tại điểm d khoản này).




- c) Trường hợp thay đổi xuất xứ hàng hóa thuộc cùng hãng sản xuất vì lý do thay đổi chính sách của nhà sản xuất.

Nhà thầu cần có văn bản đề xuất để chủ đầu tư xem xét chấp thuận trước khi đặt mua/sản xuất hàng và các tài liệu cụ thể sau:

- Tài liệu của hãng sản xuất xác nhận việc thay đổi xuất xứ hàng hóa có nguyên nhân từ việc thay đổi chính sách của hãng sản xuất; và
 - Tài liệu chứng minh hàng hóa thay đổi đó có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số và các yêu cầu kỹ thuật khác tương đương hoặc tốt hơn hàng hóa ghi trong hợp đồng.
 - Văn bản xác nhận tăng thời gian bảo hành lên tối thiểu 1,5 lần so với thời gian quy định trong hợp đồng nếu xuất xứ từ nhóm cao xuống nhóm thấp hơn (quy định về nhóm nước được quy định tại điểm d khoản này).
- d) Việc thay đổi xuất xứ/tên hãng sản xuất hàng hóa do các nguyên nhân quy định tại điểm b và c khoản này, trường hợp chủ đầu tư chấp nhận thay đổi thì sẽ áp dụng giảm đơn giá trước thuế của hàng hóa đó như sau:

Xuất xứ theo HĐ	Nhóm 1 (1)			Nhóm 2 (2)			Nhóm 3 (3)		
Xuất xứ thay đổi	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
Tỷ lệ % giảm đơn giá (*)	0	15-20	21-60	0	1-10	11-60	0	0	15-20

(*): Đơn giá trước thuế của hàng hóa thay đổi xuất xứ. [Mức giảm đơn giá trước thuế nêu tại bảng trên là mức tối thiểu đến tối đa, tùy theo tính chất hàng hóa mà chủ đầu tư có thể điều chỉnh cho phù hợp tỷ lệ giảm giá nằm trong khoảng từ tối thiểu đến tối đa.]

Trong đó:

- + Nhóm 1: Anh, Canada, Đức, Hoa Kỳ, Italia, Nhật Bản, Pháp và/hoặc G7.
- + Nhóm 2: Các nước thuộc Liên minh Châu Âu (EU) và Thụy Sĩ ngoại trừ các nước thuộc Nhóm 1.
- + Nhóm 3: Các nước còn lại

Trường hợp thay đổi xuất xứ hàng hóa từ nhóm thấp sang nhóm cao thì chủ đầu tư không giảm đơn giá. Nhóm thấp đến nhóm cao được sắp xếp theo thứ tự là từ nhóm 3 đến nhóm 2 đến nhóm 1.

- e) Trường hợp thay đổi xuất xứ/ ký mã hiệu/ tên hãng sản xuất mà không phải vì lý do nêu tại các điểm a, b, c trên hoặc trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 14 nếu chủ đầu tư chấp thuận thì ngoài việc xử lý nêu tại điểm b, c, d trên thì nhà thầu vẫn bị coi là vi phạm hợp đồng, phải chịu phạt vi phạm hợp đồng mức _____ [ghi cụ thể mức phạt là bao nhiêu % giá trị phần hợp đồng bị vi phạm nhưng tối đa là 8%] và nhà thầu sẽ bị áp dụng các chế tài theo quy định về việc tái đánh giá nhà thầu của chủ đầu tư.

(Chữ ký và dấu của các bên)



13.3. Bên B sẽ phải bồi thường thiệt hại do vi phạm Phụ lục hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Áp dụng bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.
- Trừ khi hai bên có thỏa thuận khác, trường hợp Bên B chậm giao hàng, ngoài việc phải chịu phạt theo quy định của Phụ lục hợp đồng thì Bên B còn phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do nguyên nhân từ việc giao hàng chậm hoặc không giao hàng bao gồm nhưng không giới hạn các chi phí sau:
 - + Chi phí tăng thêm do Bên A phải mua gấp/khẩn vật tư, hàng hóa từ nhà cung cấp khác;
 - + Chi phí khắc phục sự cố do việc chậm giao hàng khiến việc sửa chữa các thiết bị khác của Nhà máy không được thực hiện đúng tiến độ;
 - + Khoản sụt giảm doanh thu trong trường hợp nhà máy bị ngừng máy do các nguyên nhân liên quan đến việc giao hàng chậm.

Điều 14. Trường hợp bất khả kháng

Trường hợp bất khả kháng được hiểu là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của Bên B, chẳng hạn: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch, cấm vận... Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên B phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên A về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện.

Điều 15. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Nhà máy hoặc tại địa điểm khác được các bên thống nhất sao cho phù hợp/thuận lợi nhất cho việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa.

Điều 16. Thời gian cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ kèm theo

16.1. Thời gian giao hàng:

- Tùy theo từng đợt hàng do Bên A yêu cầu.

16.2. Khi giao hàng Bên B phải gửi cho Bên A:

- Thông báo giao hàng (Bên B phải thông báo trước tối thiểu 03 ngày làm việc trước khi giao hàng bằng văn bản;
- Giấy cam kết bảo hành hàng hoá (bản gốc): Thời gian bảo hành là 12 tháng kể từ ngày đưa vào lắp đặt, sử dụng nhưng không quá 18 tháng kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.
- Nhà thầu phải nộp tài liệu mô tả kỹ thuật của hàng hóa, hướng dẫn sử dụng của Nhà sản xuất (nếu có).




- Đối với hàng hóa nhập khẩu: cung cấp đầy đủ Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Phòng thương mại và công nghiệp của nước sản xuất/xuất khẩu cấp, Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) do nhà sản xuất cấp hoặc tài liệu khác có tính chất tương tự: (bản gốc hoặc 01 bản sao có chứng thực/chứng thực);
- Đối với hàng hóa trong nước: cung cấp Giấy chứng nhận chất lượng hoặc chứng chỉ phân tích hoặc chứng chỉ khác có giá trị tương đương do Nhà sản xuất cấp hoặc xác nhận: bản gốc;

Bên A phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.

Điều 17. Bảo hiểm

Không áp dụng

Điều 18. Vận chuyển và giao nhận hàng hóa

Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm nhà máy. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm nhà máy do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá Phụ lục hợp đồng.

Điều 19. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến Hợp đồng

- 19.1. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, Bên B không được tiết lộ nội dung của Hợp đồng/Phụ lục hợp đồng cho bất cứ cá nhân, tổ chức nào không phải là người có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng/Phụ lục hợp đồng.
- 19.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, Bên B không được lợi dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào nêu trong Khoản 1 Điều này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện Hợp đồng.
- 19.3. Các tài liệu nêu tại Khoản 1 Điều này thuộc quyền sở hữu của Bên A. Khi Bên A có yêu cầu, Bên B phải trả lại cho Bên A các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Điều 20. Giải quyết tranh chấp

Hai Bên sẽ nỗ lực giải quyết các bất đồng phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng thông qua thương lượng hoà giải trực tiếp. Trong khoảng thời gian quy định là 10 (mười) ngày mỗi Bên sẽ phải cử đại diện của mình tới thảo luận hoà giải và phải gửi thông báo cho Bên kia biết. Sau khoảng thời gian quy định là 30 (ba mươi) ngày, đại diện của hai Bên phải đưa ra cách thức giải quyết tranh chấp phù hợp với cả hai Bên.

Trong trường hợp đại diện của hai Bên không thoả thuận được thì tranh chấp sẽ được đưa ra tòa án cấp có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các Bên. Án phí do Bên thua kiện chịu.

Điều 21. Chấm dứt Hợp đồng




21.1. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này nếu Bên B vi phạm một trong những điều sau:

- a) Không tham dự nộp chào giá theo quy định tại Điều 6 từ 02 (hai) lần trở lên;
- b) Giao hàng không đạt tiến độ và/ hoặc khối lượng và/ hoặc chất lượng theo yêu cầu quy định tại Hợp đồng/Phụ lục hợp đồng 02 (hai) lần;
- c) Bên B bị phá sản, giải thể, bị thu hồi giấy phép hoạt động.

21.2. Trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo Điểm a Khoản 1 Điều này, Bên A có quyền yêu cầu ngân hàng nơi mở Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng chuyển toàn bộ số tiền bảo lãnh cho bên A như quy định tại Khoản 2 Điều 4.

21.3. Trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo Điểm b Khoản 1 Điều này, ngoài những trách nhiệm theo Điều này, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm Hợp đồng như quy định tại Điều 13 cho từng lô hàng.

21.4. Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nếu Bên A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán như quy định tại Điều 9 của Hợp đồng.

Điều 22. Thông báo

Bất cứ thông báo nào của một Bên gửi cho Bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ mỗi Bên được ghi tại Hợp đồng này.

Thông báo của một Bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày Bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

Điều 23. Điều khoản chung

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và hết hiệu lực khi đến hạn như quy định tại Điều 11.

Hợp đồng này được hiểu, diễn giải và điều chỉnh theo pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam.

Hợp đồng này sẽ được coi như thanh lý sau khi các Bên hoàn thành hết các quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nêu trong Hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 03 (ba) bộ gốc có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bộ, Bên B giữ 01 (một) bộ.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B




(Phụ lục thuộc mẫu Hợp đồng khung)

PHỤ LỤC 1. YÊU CẦU VỀ MẶT KỸ THUẬT

Mục 1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hoá

(Chi tiết nêu tại Mẫu số 01A Chương IV của HSMST)



100 TS      

PHỤ LỤC 2. CÁC BIỂU MẪU

Mẫu số 01: THƯ MỜI CHÀO GIÁ

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG
QUỐC GIA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ

Số: /CNPĐ-TM

Hà Nội, ngày ____ tháng ____ năm ____

Vv Mời chào giá....

Kính gửi: Công ty

Căn cứ Hợp đồng khung số.....ngày được ký giữa Chi nhánh Phát điện Dầu khí và Công ty.....

Hiện nay Chi nhánh Phát điện Dầu khí có nhu cầu mua

Chi nhánh Phát điện Dầu khí đề nghị Quý Công ty nộp bản báo giá theo phạm vi công việc như *đính kèm*.

- Thời gian và địa điểm nộp chào giá: ... giờ ... phút, ngày/....../.... tại

- Thời hạn nộp bản báo giá: trước

- Hình thức nộp bản báo giá:

+ Gửi Email tới địa chỉ:; và/hoặc

+ Nộp trực tiếp tại:

- Mẫu Bản chào giá: Theo Mẫu quy định tại Hợp đồng khung.

- Thời hạn hiệu lực của Bản chào giá: tối thiểu 60 ngày kể từ ngày đóng thầu

Trân trọng./.

Nơi nhận:

ĐẠI DIỆN BÊN A

- Như trên;

- Lưu: VT,

(Chữ ký và dấu của các bên)



PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, điều giải chi tiết (nếu cần thiết).

STT	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng	
							Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]
1								
2								
...								

Ghi chú:

(1) Danh mục hàng hóa bao gồm các hạng mục hàng hóa, mỗi hạng mục hàng hóa tương ứng với khối lượng, đơn vị tính và các thông tin khác trong Bảng này.

(3) Áp dụng trong các trường hợp:

- Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam. Nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của Thư mời chào giá hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại.

Ví dụ về nhóm nước, vùng lãnh thổ: Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ...; Liên minh Châu Âu (EU), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), nhóm các nền kinh tế lớn G20, G8, G7...

- Chủ đầu tư quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ trong nước. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa xuất xứ Việt Nam, nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại.

Trường hợp Chủ đầu tư không yêu cầu về xuất xứ thì để trống nội dung này.



Mẫu số 02. BẢN CHÀO GIÁ CỦA MỖI ĐƠN HÀNG/LÔ HÀNG

CÔNG TY ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm ...

BẢN CHÀO GIÁ

Kính gửi: Chi nhánh Phát điện Dầu khí

- Căn cứ Hợp đồng khung số.....ngày được ký giữa Chi nhánh Phát điện Dầu khí và Công ty.....,
- Căn cứ công văn số ngàyv/v thông báo mời chào giá;
Chúng tôi, Công ty xin báo giá như *đính kèm*.

Các điều kiện khác:

- Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày
- Các điều kiện khác có liên quan sẽ áp dụng theo Hợp đồng khung số ngày được ký giữa Chi nhánh Phát điện Dầu khí và Công ty

Đại diện hợp pháp của Bên B

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

 80/84

BẢNG GIÁ CHÀO THẦU CỦA HÀNG HÓA

TT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, nhóm nước, vùng lãnh thổ)	Nhà sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế VAT 10%)	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
	Hàng hóa thứ 1											M1
												
	Hàng hóa thứ n											Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế (VAT 10%), phí, lệ phí (nếu có)												(M)

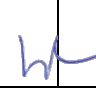
Ghi chú:

(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) (11): Nhà thầu tự điền. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (10) nhà thầu tự điền.

(12): Nhà thầu tự điền;

(13): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

(*) Thuế VAT 10% là tạm tính và sẽ được điều chỉnh tại thời điểm nghiệm thu hàng hóa phù hợp với quy định của Chính phủ.



Mẫu số 03. Phụ lục bổ sung của hợp đồng khung

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

PHỤ LỤC BỔ SUNG SỐ...

Của Hợp đồng khung số ...

Về việc: Cung cấp cho Nhà máy nhiệt điện...

- Căn cứ ...
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày .../.../, chúng tôi đại diện cho các bên ký kết Phụ lục Hợp đồng, gồm có:

Bên mua (Bên A): Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam

- Đại diện:
- Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Tài khoản:
- Mã số thuế:

- Bên bán (Bên B):

- Đại diện:
- Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Tài khoản:
- Mã số thuế:

Sau khi thoả thuận, hai Bên thống nhất ký kết Phụ lục bổ sung số... của Hợp đồng khung sốvới các điều khoản như sau:

Điều 1. Khối lượng cung cấp

Bên B đồng ý giao và Bên A đồng ý nhận hàng hóa quy định tại Phụ lục kèm theo.



Thời gian giao hàng: Từ ngày đến ngày

Điều 2. Đơn giá

Đơn giá chi tiết nêu tại Phụ lục kèm theo.

Đơn giá nêu trên được cố định trong suốt thời gian thực hiện Phụ lục hợp đồng (PLHD).

Điều 3. Phương thức giao nhận

Giao tại

Điều 4. Giá trị Phụ lục bổ sung

Giá trị Phụ lục bổ sung :[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký]

Điều 5. Thanh toán

Phương thức thanh toán : Theo quy định Điều 9 của Hợp đồng khung số ...,

Điều 6. Bảo hành

Thời hạn bảo hành là:kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

Địa điểm bảo hành:

Trong thời gian bảo hành, khi có yêu cầu bảo hành của Bên A, Bên B có trách nhiệm (i) Cử nhân sự có năng lực chuyên môn phù hợp trong vòng 24 giờ; (ii) Phát hành báo cáo hiện trạng, tình trạng thiết bị trong vòng 48 giờ; (iii) Phát hành báo cáo đánh giá về nguyên nhân, xác định trách nhiệm của các bên đối với việc hư hỏng thiết bị (có thuộc trách nhiệm bảo hành hay không), phương án xử lý trong vòng 24 giờ tiếp theo. Trường hợp Nhà thầu không tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định, chủ đầu tư có thể thuê tổ chức khác khắc phục hư hỏng, khuyết tật phát sinh và Nhà thầu phải hoàn trả chi phí.

Điều 6. Các quy định khác

Phụ lục này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng khung số....

Các điều khoản khác quy định trong Hợp đồng khung không đề cập trong Phụ lục này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Phụ lục bổ sung số có hiệu lực kể từ ngày được đại diện 2 bên ký và sẽ tự động thanh lý khi các bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của phụ lục bổ sung này.

Phụ lục bổ sung này được lập thành 03 (ba) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B





Mẫu số 04: PHIẾU YÊU CẦU CẤP HÀNG

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG
QUỐC GIA VIỆT NAM
CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /PYC-CNPĐ

Hà Nội, ngày ____ tháng ____ năm ____

PHIẾU YÊU CẦU CẤP HÀNG (THÔNG BÁO CẤP HÀNG)

Kính gửi: Công ty

- Căn cứ Hợp đồng khung số.....ngày được ký giữa Chi nhánh Phát điện Dầu khí và Công ty.....
- Căn cứ Bản chào giá sốngày.....của Công ty....., Chi nhánh Phát điện Dầu khí đề nghị quý Công ty cung cấp hàng hoá với nội dung đính kèm.
 - + Thời gian giao hàng: từ ngày .../.../..... đến ngày .../.../.....
 - + Địa điểm giao hàng:

Đề nghị Quý Công ty xác nhận và thông báo lại cho Chi nhánh Phát điện Dầu khí sau khi nhận được Phiếu yêu cầu cấp hàng/Thông báo cấp hàng này.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- NMNĐ.... (để th/hiện);
- Lưu: VT,

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Chữ ký và đóng dấu của các bên liên quan)